

## Giảm nghèo và giảm chênh lệch giàu nghèo

ĐỖ THỊNH

Chúng ta đang nói nhiều về xóa đói giảm nghèo. Chương trình kinh tế xã hội cho mục tiêu này đã có những kết quả đáng khích lệ. Nhiều tỉnh công bố thành tích tỉ lệ hộ nghèo qua các năm đã liên tục giảm bớt. Một số dường như lạc quan hơn, tuyên bố năm 1995 dứt điểm “xóa hộ nghèo”

Suy ngẫm một chút, dễ thấy chuẩn nghèo khổ thật ra không cố định. Mặc dù đây là nói về nghèo tuyệt đối, song nước lên thuyền lên, âu cũng là lẽ thường. Chuẩn quốc gia về nghèo khổ của Mỹ, tính cho hộ 4 người, năm 1963 là 3100 USD, năm 1982 là 9862USD, năm 1984 tăng lên 10600USD và cho năm 1993 gần đây là 14763 USD. Một số tác giả dẫn tài liệu của các nước khác cho biết rằng chuẩn để đo sự nghèo khổ lại được tính bằng mức tiêu dùng quy ra kilocalo/người/ngày, ví dụ Trung Quốc quy định 2150 kcal ..v..v... Song nên lưu ý những chuẩn đó đều có dấu hiệu thời gian, áp dụng cho 1 năm hoặc một số năm nhất định nào đó. Cũng như vậy, khi thông tin Trung Quốc năm 1970 có tỉ lệ nghèo khổ 33%, đến năm 1990 đã giảm xuống còn 10%, Indonesia từ 60% giảm xuống còn 15%, Hàn Quốc từ 23% xuống 5%...v..v...người ta nên cho biết các chuẩn mức đã được xử lý như thế nào.

Ở nước ta, báo cáo năm trước công bố tỉ lệ nghèo khổ trong nông thôn năm 1990 là 20%, năm 1992 đã giảm xuống 15%. Báo cáo năm nay lại thông tin tỉ lệ nghèo khổ của nông thôn năm 1993 là 22,14%. Trong khi mọi người đều biết tình hình kinh tế xã hội năm 1993 có nhiều lạc quan cả ở thành thị và nông thôn. Xem kỹ, té ra đã có sự chuyển dịch chuẩn các năm từ 1990 đến 1992 được tính theo chuẩn 13kilogam gạo/người/tháng hay 156kilogam gạo/người/năm. Còn năm 1993, chuẩn được tính bằng tiền mức của nông thôn chung là 50000 đồng/người/tháng riêng cho Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long là 60000 đồng/người/tháng (qui ra gạo theo thời giá khoảng 25 và 30kg). Đối với thành thị, chuẩn nghèo khổ của năm 1993 là 70000 đồng/người/tháng riêng cho 2 vùng phía Nam là 80000 đồng/người/tháng.

Như vậy, có thể hình dung chuẩn nghèo khổ sẽ phải liên tục chuyển dịch theo thời gian. Mức sống trung bình của mấy năm trước, hôm nay đã trở thành nghèo. Và mức trung bình của năm nay, hi vọng sẽ là nghèo của dăm năm sau. Chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo, hẳn là phải cố định chuẩn để so sánh. Song mặt khác, rõ ràng sẽ luôn luôn tồn tại một bộ phận dân cư nghèo, ý đồ thanh toán “dứt điểm” diện nghèo không thể nghĩ là có tính khả thi hiện thực. (Nước Mỹ năm 1962, đương thời vị Tổng thống trẻ tuổi Kenodi, bắt đầu chiến dịch chống nghèo khổ, tỉ lệ

người nghèo chiếm 22% dân số. Cho đến nay, có nghĩa đã hơn 30 năm sau, cùng 1 vị Tổng thống trẻ tuổi của Đảng dân chủ, Bin Clinton, năm kinh tế phát triển với tốc độ được coi là khả quan, GDP tăng 2,8%, tỉ lệ người nghèo trong dân số vẫn còn 15,1%).

Kinh tế học chú ý nhiều hơn về sự chênh lệch giàu nghèo, chấp nhận cơ chế thị trường, có nghĩa phải tìm cách “chung sống hòa bình” với sự phân hóa giàu nghèo. Vấn đề là giảm thiểu chênh lệch theo nghĩa nhà giàu đốt đuốc, cũng phải cho dân nghèo có đèn thắp. Chúng ta xác định cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa xây dựng tổ quốc Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Thiết nghĩ càng cần thiết quan tâm vấn đề giảm thiểu chênh lệch giàu nghèo. Nếu coi sự phân hóa giàu nghèo như một cái giá phải trả cho mục tiêu kích thích làm giàu thì vấn đề đặt ra là sao cho giá được “rẻ” nhất. Bên cạnh chỉ tiêu giảm nghèo (theo nghĩa tuyệt đối), nên có mức phấn đấu giảm chênh lệch giàu nghèo (cũng có ý nghĩa là giảm nghèo tương đối).

Tính toán sự giàu nghèo tương đối như thế nào? Đương nhiên có giàu nghèo của mỗi cá nhân cụ thể. Hộ ông Giáo nào đó có mức thu nhập hàng năm 10 tỉ đồng, còn hộ ông Bính chỉ kiếm được 5 triệu, chênh lệch 2000 lần. Nhưng đó chỉ là trường hợp riêng của 2 hộ. Phạm vi hẹp là hộ hàng, hoặc một phường xã, có thể gây điều gì đáng bàn. Còn rộng trên cả nước, hòa tan trong tổng số 15 triệu hộ, hơn 70 triệu dân ắt hẳn chẳng thành vấn đề. Để so sánh sự có ý nghĩa xã hội, kinh tế học quy ước xếp hạng tất cả các hộ (thường thuộc phạm vi điều tra mẫu), theo chiều thu nhập từ cao xuống thấp, sau đó gộp từng nhóm phần trăm. Các chỉ số thường dùng là 5%, 10%, 20%. Vẽ đường cong đi qua tất cả các nhosm hoặc đơn giản chỉ quan tâm so sánh nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất. Chỉ báo này hoàn toàn khách quan, không phụ thuộc sự “tiêu định” mức nào là giàu, khá, trung bình, nghèo như vẫn thường làm. Do vậy, được coi là thước đo tin cậy đánh giá sự công bằng xã hội đương nhiên giới hạn ý nghĩa kinh tế, hẹp hơn nữa là về thu nhập và mức sống.

Nghiên cứu sâu hơn, kinh tế học còn chỉ ra những giới hạn hợp lý của chỉ số chênh lệch giàu nghèo. Đã gọi là cái giá phải trả thì không thể không có giá hay chỉ số bằng 0. Cũng không nên để giá quá thấp vì như vậy thiệt hại cho sản xuất, không kích thích sự vận động. Đặt n là số phần trăm dùng làm căn cứ chia nhóm, nghịch đảo  $1/n$  chính là giới hạn công bằng xã hội. Với nhóm 5%, chỉ số giới hạn công bằng là 20 lần. Với nhóm 10%, chỉ số đó là 10 lần. Với nhóm 20% chỉ số là 5 lần. Khoảng từ  $\frac{3}{4}$  trở lên của các chỉ số lần đó là khung hợp lý, an toàn. Thấp hơn nữa là hiện tượng giá quá “rẻ”, nguy cơ giảm thấp động lực, có thể gây trì trệ.

Theo C. Moisson, Tạp chí kinh tế học so sánh (Journal ò Comparative Economic), tháng 6 – 1984, chỉ số so sánh nhóm 10% giàu nhất và 10% nghèo nhất của nước Mỹ là 9,9 lần, sát giới

hạn an toàn. Canada 8,5 lần, có thể là một chỉ số đẹp. Ngược lại, chỉ số của Thụy Điển, chỉ có 5 lần, bầu không khí cạnh tranh xã hội quá “lạnh”, cần được hâm nóng. Cũng trong thời gian này, liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết (còn chưa thực hiện cải tổ) đã có chỉ số chênh lệch giàu nghèo 8,5 lần, ngang với Canada, không khác nước Mỹ bao nhiêu. Bên cạnh, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, chỉ số là 4,5 lần.

Theo nhân quan kinh tế thị trường, đương nhiên đây là mức “lạnh”. Một tài liệu của UNDP gần đây đánh giá cả ngũ niên 1985 – 1989 so sánh nhóm 20%, chỉ số chênh lệch giàu nghèo của Nhật Bản là 4,3 lần, của Bỉ là 4,6 lần, đều thuộc khung “đẹp”. Brazil 13 lần rõ ràng quá “nóng” cần tìm giải pháp hạ nhiệt. Ở 2 nước xã hội chủ nghĩa lúc này đã chuyển sang cơ chế thị trường, Ba Lan có chỉ số chênh lệch 3,6 lần, Hung-ga-ri 3,2 lần đương như đang tiến tới khung hợp lý.

Ở nước ta, như đã biết, dường như chưa có những nghiên cứu điều tra theo phương pháp này. Các cuộc điều tra đã công bố đều theo cách định mức chuẩn độ giàu, khá, trung bình, nghèo, rất nghèo. Theo đó tổng hợp đánh giá tỉ lệ mỗi loại hộ, thu nhập trung bình của mỗi nhóm hộ. Do vậy, kết quả số liệu ít nhiều bị ảnh hưởng chủ quan, so sánh giàu nghèo không thật khớp với phân chia các nhóm dân cư cùng số phần trăm như nhau. Tuy nhiên, một cách tương đối, ta biết năm 1990 có 8,1% hộ giàu, 20% thuộc nghèo, chỉ số chênh lệch 7,75 lần. năm 1991 có 9,7% hộ giàu, 14,8% hộ nghèo, chênh lệch thu nhập mở rộng ra là 15%, chênh lệch giảm xuống 8,2 lần. Những số liệu trên đều thuộc địa bàn nông thôn. Các báo cáo chú giải thêm hiện tượng trong năm nông nghiệp 1992, một số nơi bị mất mùa.

Đối với năm 1993, tuy cách thức vẫn là tiên định mức giàu nghèo, sau đó tổng hợp các nhóm, song may mắn hơn đã có được số liệu điều tra cả nông thôn và thành thị. Chung toàn quốc, nhóm hộ giàu nhất chiếm 4,1% tổng số, thu nhập bình quân 530,21 nghìn đồng/người/tháng so với nhóm hộ nghèo nhất chiếm 4,36% tổng số, thu nhập bình quân 27,51 nghìn đồng/người/tháng chỉ số chênh lệch 19,27 lần. Để ý số tỉ lệ về hộ của 2 nhóm giàu nghèo khá gần nhau và cũng khá gần chuẩn 5 phần trăm. Vậy tham khảo ngưỡng an toàn của kinh tế học, có thể thấy con số chênh lệch gần 20 lần như trên đáng để suy nghĩ.

Do hạn chế nguồn số liệu, sau chỉ tiêu chung cả nước thêm 2 vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ nhóm hộ giàu nghèo tương đương nhau và cùng gần mức 5%. Các phạm vi khác trước hết khác biệt nhiều về tỉ lệ hộ. Tuy nhiên xét theo logic sự vật có thể hình dung tiến tới cùng mức 5% số hộ, chỉ số chênh lệch giàu nghèo ở nông thôn nói chung, các vùng miền núi trung du Bắc bộ, Bắc trung bộ, Tây Nguyên sẽ giảm chút ít. Riêng Đông Nam Bộ, chỉ số chênh lệch giàu nghèo đang ở mức cao nhất, suy luận trên các

chỉ tiêu đã có trong bảng, khả năng cũng có thể giảm chút ít. Tham khảo thêm 2 nhóm: giàu 11,09% số hộ, thu nhập 636,05 nghìn đồng/người/tháng; nghèo 11,13% số hộ, thu nhập 48,18 nghìn đồng/người/tháng. Tạm xem như  $n = 11\%$ ,  $1/n = 9$ , chỉ số chênh lệch thực tế là 13,2 lần, vẫn là gấp 1,5 lần trên giới hạn an toàn. Ngược lại, chỉ số của thành thị, đồng bằng sông Hồng có thể tăng cao hơn. Dầu sao, đất nước ta chỉ mới mấy năm bước vào kinh tế thị trường, những dấu hiệu phân hóa như vậy rất đáng được lưu tâm nghiên cứu xem xét, đừng sớm có giải pháp thích hợp.